

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM TÂM LÝ HỌC ỨNG DỤNG HOÀNG ĐỨC

GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH HỢP TÁC

“ĐÁNH GIÁ TRÍ TUỆ – PHÁT TRIỂN TÀI NĂNG”

(Đánh giá trí thông minh để tư vấn phát triển năng lực học tập
và tài năng của trẻ 6 – 16 tuổi)

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM TÂM LÝ HỌC ỨNG DỤNG HOÀNG ĐỨC

GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH HỢP TÁC
“ĐÁNH GIÁ TRÍ TUỆ –
PHÁT TRIỂN TÀI NĂNG”

(Đánh giá trí thông minh để tư vấn phát triển năng lực học tập
và tài năng của trẻ 6 – 16 tuổi)

Tiếp nhận các thảo luận hợp tác:

Trung tâm Tâm lý học ứng dụng Hoàng Đức

Địa chỉ: 217 Hà Huy Giáp, Quyết Thắng, Biên Hoà, Đồng Nai

Số điện thoại: 0888064266 – 0912.191.315

Email: hoangduccenter@gmail.com

Website: <http://hdap.vn/>

I - Giới thiệu sơ lược về Trung tâm Tâm lý học ứng dụng Hoàng Đức

Trung tâm Tâm lý học ứng dụng Hoàng Đức (Trung tâm Hoàng Đức) là một tổ chức nghiên cứu, ứng dụng khoa học tâm lý, được thành lập bởi Hoang Duc Education Group, được cấp phép hoạt động bởi Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai.

Trung tâm Hoàng Đức hiện có hơn 20 chuyên gia có trình độ PGS, TS, ThS trong các lĩnh vực chuyên sâu như Tâm lý học lâm sàng, Tâm lý học trường học, Tâm lý học phát triển, Tâm lý học giáo dục và Giáo dục học đang triển khai nhiều chương trình đào tạo, đánh giá và trị liệu/ tham vấn tâm lý, nghiên cứu và phát triển các dự án khoa học & công nghệ.

Các dịch vụ trung tâm có thể cung cấp bao gồm:

- Tham vấn và trị liệu tâm lý cho cá nhân và gia đình;
- Hợp tác với các trường học triển khai mô hình phòng tâm lý trường học;
- Cung cấp các dịch vụ tâm lý cho các công ty/ tổ chức có nhu cầu;
- Tổ chức các chương trình đào tạo/ hội thảo về lĩnh vực tâm lý ứng dụng;
- Triển khai chương trình đào tạo năng lực cảm xúc - xã hội cho học sinh tiểu học (hợp tác với các trường tiểu học).
- Đặc biệt, chương trình “Đánh giá trí tuệ – phát triển tài năng”

II – Giới thiệu chương trình “Đánh giá trí tuệ – Phát triển tài năng”.

1. Đối tượng thụ hưởng

- Đối tượng thụ hưởng chính: Độ tuổi từ 6 đến 16 tuổi
- Cha mẹ hoặc người nuôi dưỡng/ chăm sóc

2. Mục đích của chương trình

Đối với trẻ:

- Phân tích một cách chính xác những điểm mạnh về năng lực trí tuệ thành phần của trẻ để tư vấn phát triển năng khiếu, tài năng cho trẻ.
- Hiểu được những điểm hạn chế trong năng lực trí tuệ để tư vấn giúp trẻ có thể phát triển tốt hơn.

- Hiểu được các vấn đề về năng lực học tập (toán học, ngôn ngữ ..) cũng như quá trình học tập nói chung để có thể giúp trẻ học tập một cách hiệu quả nhất.

- Đánh giá được các khó khăn về mặt hành vi cảm xúc của trẻ (gây hấn, chống đối, bạo lực, hành vi xâm kích, trầm cảm, lo âu, thu mình ...) để có thể giúp trẻ hạnh phúc hơn trong bối cảnh trường học và gia đình.

Đối với giáo viên:

- Giúp giáo viên có những thích ứng và cá nhân hoá kế hoạch học tập cho từng học sinh.

- Hỗ trợ giáo viên hiểu hơn về cách thức học sinh tiếp nhận kiến thức.

- Thông qua phát triển bản thân, giúp học sinh có thể tự tin hơn trong các mối quan hệ xã hội, từ đó có thể thành công và thăng tiến trong cuộc sống, khoẻ mạnh hơn.

- Nhận diện được các vấn đề về hành vi và cảm xúc của học sinh để có những định hướng và hỗ trợ phù hợp.

Ngoài ra, còn giúp các bậc phụ huynh:

- Hiểu được chính xác các năng lực của con để có thể giúp con phát triển một cách phù hợp/ tích cực nhất.

- Có một cái nhìn tổng quan về chỉ số trí tuệ để hiểu và định hướng và phát triển tiềm năng cho con.

- Có thể xây dựng các phương pháp giúp trẻ hứng thú/ có động cơ học tập hơn và có những định hướng đúng đắn về việc học tập

3. Giới thiệu sơ lược nội dung công cụ/ trắc nghiệm đánh giá

3.1. Đặt vấn đề

Trong quá trình làm việc với học sinh, đồng thời dựa trên nhiều báo cáo nghiên cứu cho thấy, nếu trẻ em và thanh thiếu niên được khám phá những năng lực thực sự của bản thân có thể giúp các em có thành tích học tập tốt hơn, đồng thời giúp các em tự tin hơn trong môi trường học đường, có thể giúp định hướng cho em phát triển năng khiếu/ tài năng cũng như hướng nghiệp trong tương lai.

Hiểu được ý nghĩa quan trọng của việc đánh giá trí tuệ học sinh, trong những năm vừa qua có rất nhiều chương trình đánh giá không dựa trên bằng chứng và nền tảng khoa học ra đời. Các chương trình này chủ yếu xem xét một đặc điểm nhân dạng bên ngoài của cá nhân như vân tay, gương mặt, hành vi mà không đi sâu vào đánh giá các khả năng của học sinh như năng lực ngôn ngữ, khả năng tư duy, khả năng nhận thức ... vốn là các lĩnh vực đa dạng của trí tuệ (theo lý thuyết trí tuệ đa thành phần của Howard Gardner (từ 1983). Điều này làm cho việc đánh giá là sai sót, không chính xác, không

trung thực và làm định hướng cho học sinh sai. Chính vì thế, việc sử dụng các công cụ có bằng chứng, được thiết kế một cách công phu, được thích ứng để đánh giá trí tuệ cũng như năng lực của học sinh là vô cùng cần thiết. Các nhà tâm lý trên thế giới thường sử dụng các trắc nghiệm trí tuệ để thực hiện việc đánh giá này, trong đó bộ trắc nghiệm đánh giá trí tuệ Wechsler cho trẻ em - WISC-IV là phổ biến, có bằng chứng và uy tín được sử dụng rộng rãi hơn 80 quốc gia trên thế giới.

Chương trình **“Đánh giá trí tuệ - Phát triển tài năng”** được phát triển dựa trên 2 trắc nghiệm khác nhau. Bao gồm: Trắc nghiệm đánh giá trí tuệ Wechsler cho trẻ em Việt Nam – WISC-IV – VN (Wechsler Intelligence Scale for Children- WISC - VN) và Trắc nghiệm đánh giá cảm xúc hành vi của ASEBA (Achenback System of Emperically Based Assessment) dành cho lứa tuổi học đường.

Trong đó, **Trắc nghiệm đánh giá trí tuệ Wechsler cho trẻ em Việt Nam – WISC-IV – VN** được thiết kế và bản quyền bởi Pearson (Hoa Kỳ), phiên bản Việt Nam được chuẩn hoá bởi Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội. Được phát triển từ năm 1949, thang đo đánh giá trí tuệ Wechsler cho trẻ em (Wechsler Intelligence Scale for Children- WISC) đã nhanh chóng trở thành là công cụ phổ biến và tổng quát nhất để đánh giá trí tuệ cho trẻ em. Thang đo được thích nghi và sử dụng trên 80 nước trên thế giới. Việc biết sử dụng WISC là một kỹ năng bắt buộc phải có đối với cán bộ tâm lý làm việc với trẻ em ở các nước phát triển. Kết quả trắc nghiệm WISC không chỉ nhằm đến điểm số trí thông minh, nó còn cho chúng ta biết những thông tin cơ bản và sâu sắc về sự vận hành trí thông minh của một con người. Trắc nghiệm WISC là chìa khóa giúp nhà lâm sàng hiểu rõ về những điểm mạnh và điểm yếu trong trí tuệ của một đứa trẻ.

Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội là cơ sở duy nhất ở Việt Nam được công ty Pearson, nơi sở hữu bản quyền trí tuệ của trắc nghiệm WISC-IV chuyển giao bản quyền và là đại diện phân phối chính thức trắc nghiệm WISC-IV phiên bản Tiếng Việt. Trắc nghiệm WISC-IV phiên bản Tiếng Việt là kết quả của một nghiên cứu thích nghi trắc nghiệm hợp tác giữa Đại học Vanderbilt, Hoa Kỳ và trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội dưới sự giám sát chuyên môn của công ty Pearson. Kết quả nghiên cứu đã đưa ra được số liệu so sánh mẫu chuẩn của trẻ Việt Nam, là cơ sở đánh giá mức trí tuệ của một trẻ. Kết quả nghiên cứu được công bố trên các tạp chí quốc tế chuyên ngành.

Trắc nghiệm đánh giá cảm xúc hành vi của ASEBA dành cho lứa tuổi học đường (Achenback System of Emperically Based Assessment) được phát triển bởi Tiến sĩ Thomas M. Achenbach từ năm 1966 và liên tục được thích ứng và phát triển

cho đến nay. Hiện bảng hỏi này đã được dịch và thích nghi ở trên 70 nước trên thế giới là một hệ thống đánh giá dựa trên thực chứng được phát triển qua nhiều thập kỷ. Đây là một bộ trắc nghiệm sàng lọc đơn giản, dễ hiểu đã được ứng dụng ở nhiều nước trên thế giới dùng để điều tra dịch tễ học và lượng giá triệu chứng, hỗ trợ chuẩn đoán lâm sàng về các rối nhiễu tâm lý ở trẻ em và thanh thiếu niên. ASEBA giúp những nhà chuyên môn đến từ nhiều lĩnh vực khác nhau có thể đánh giá nhanh chóng và hiệu quả các mặt khía cạnh hoạt động chức thích nghi và không thích nghi của trẻ. ASEBA đánh giá trẻ trên các nhóm vấn đề sau: Lo âu/trầm cảm; Thu mình/Trầm cảm; Phàn nàn về cơ thể; Vấn đề Xã hội; Vấn đề tư duy; Vấn đề Chú ý; Hành vi Phá bỏ quy tắc và Hành vi Hung tính.

Bản quyền tiếng Việt và số liệu của mẫu so sánh chuẩn cho người Việt Nam dùng trong trắc nghiệm này đã được Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội đã nghiên cứu thích nghi, phổ biến và ứng dụng.

3.2. Công cụ/ trắc nghiệm đánh giá

3.2.1. Trắc nghiệm đánh giá trí tuệ Wechsler cho trẻ em Việt Nam – WISC-IV – VN (Wechsler Intelligence Scale for Children- WISC - VN).

a. Nền tảng lý thuyết xây dựng trắc nghiệm

Trắc nghiệm WISC được xây dựng dựa trên mô hình trí tuệ của R. Cattell với các thành phần trí tuệ (năng lực) như sau:

- Trí tuệ lỏng (Fluid intelligence – GF) là năng lực sử dụng các thao tác tinh thần để giải quyết vấn đề mới chưa từng có trong kinh nghiệm và chưa thành hành động tự động hóa. GF liên quan đến những thao tác tinh thần bao gồm việc nhận diện khái niệm, khuôn mẫu những quan hệ, tái cấu trúc thông tin. Khả năng tư duy diễn dịch và quy nạp là những chỉ báo quan trọng của Trí tuệ Lỏng.

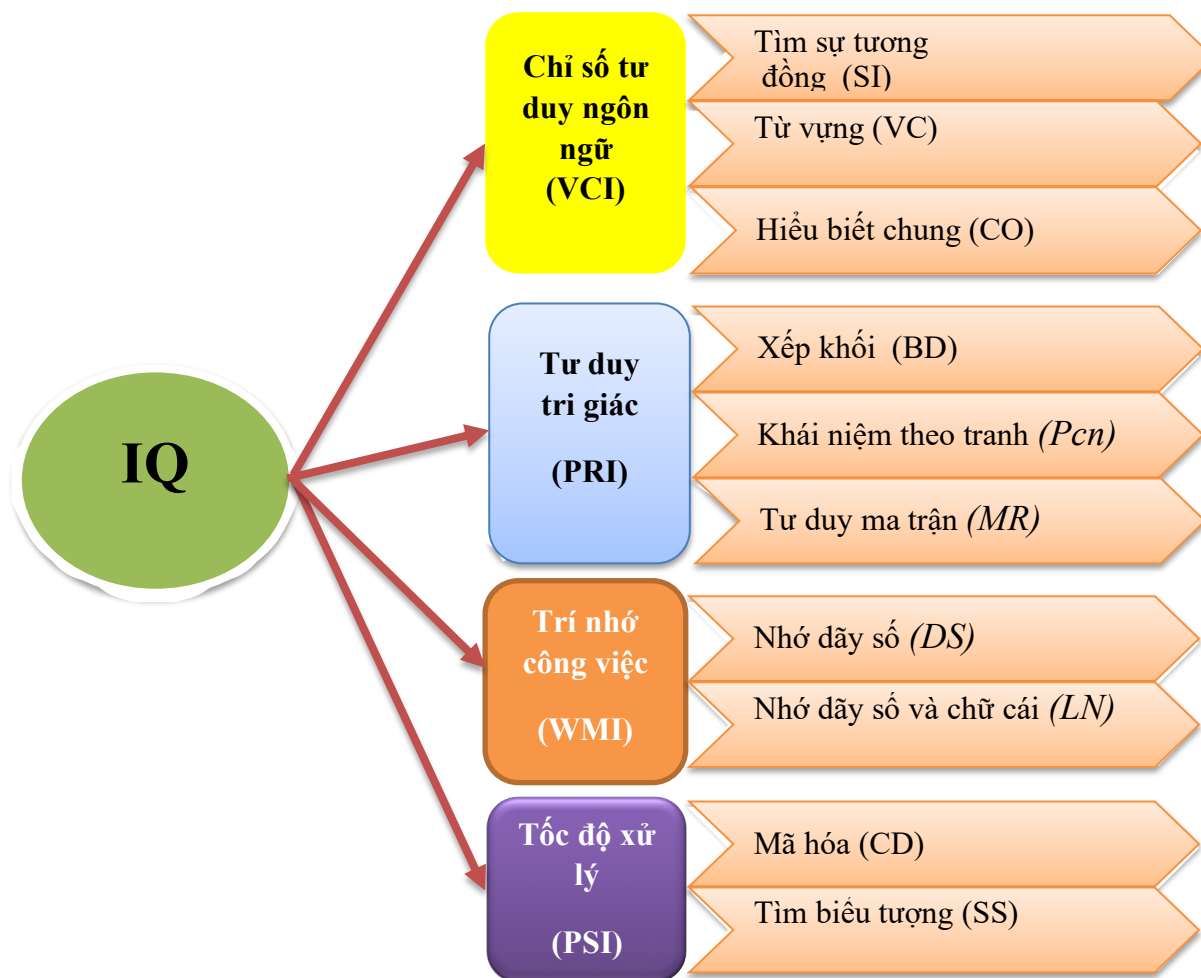
- Trí tuệ kết tinh (Crystallized Intelligence – GC) là vốn kiến thức cá nhân thu được cùng với sự phát triển các khái niệm ngôn ngữ để tư duy. Trí tuệ kết tinh đồng nghĩa với kinh nghiệm sống của cá nhân thông qua con đường tiếp nhận hằng ngày.

- Trí nhớ ngắn hạn (Short – term memory – GSM) là năng lực lưu trữ, ghi nhớ thông tin ngay say khi tình huống xảy ra. Chẳng hạn như hoạt động ghi nhớ dãy số ngay sau khi lắng nghe, ghi nhớ biển số xe hoặc ghi nhớ tên người khác.

- Tốc độ xử lý (Processing Speed – Gs): Năng lực này cho phép đối tượng thực hiện các thao tác tinh thần một cách trôi chảy dưới áp lực thời gian, điều đó đòi hỏi tập trung chú ý cao và phối hợp các năng lực để thực hiện hoạt động.

b. Những chỉ số thành phần trí tuệ (IQ) theo trắc nghiệm WISC

Sơ đồ mô tả các chỉ số thành phần trí tuệ IQ



Trắc nghiệm đánh giá trí tuệ (IQ) WISC-IV hoàn chỉnh sẽ đo lường 4 lĩnh vực nhận thức:

- **Các tiểu trắc nghiệm chỉ số tư duy ngôn ngữ (VCI):** Phản ánh khả năng hiểu ngôn ngữ, cách vận dụng những kỹ năng ngôn ngữ và những thông tin đã học được vào giải quyết vấn đề mới, năng lực xử lý thông tin bằng ngôn ngữ, năng lực tư duy bằng từ.

- *Tìm sự tương đồng (SI):* Đo lường khả năng suy luận ngôn ngữ và việc hình thành khái niệm đó. Kiểm tra khả năng hiểu lời nói, trí nhớ, sự phân biệt giữa những yếu tố cơ bản và yếu tố phụ và khả năng diễn đạt bằng ngôn ngữ. Tiểu trắc nghiệm này yêu cầu trẻ xác định sự tương đồng giữa 2 từ khác biệt bề ngoài. Ví dụ: “Đỏ và Xanh giống nhau như thế nào?”.

- *Từ vựng (VC)*: Đo lường kiến thức và khả năng hiểu khái niệm của trẻ. Đối với những mục hình ảnh yêu cầu trẻ phân biệt và gọi tên. Đối với mục lắng nghe người làm test hỏi yêu cầu trẻ phải giải thích nghĩa và đồng thời đo được cách thức diễn đạt lời nói. Ví dụ: “Cổ xưa là gì?”.
- *Hiểu biết (CO)*: Đo lường khả năng suy luận ngôn ngữ, hiểu ngôn ngữ, khái quát và diễn đạt ngôn ngữ của trẻ. Mục đích trẻ phải hiểu những quy tắc ứng xử và xử lý tình huống trong những bối cảnh.
 - **Các tiểu trắc nghiệm thuộc lĩnh vực tư duy tri giác (PRI)**: Đánh giá năng lực suy luận bằng tri giác, năng lực định hình các khái niệm trừu tượng và những mối quan hệ mà không sử dụng ngôn ngữ, năng lực tách các khối hình ra khỏi nền và biến đổi chúng một cách nhuần nhuyễn, khả năng phối hợp tri giác bản động và một phần phản ánh tốc độ nhận thức, năng lực tự kiểm soát.
 - *Xếp khối (BD)*: Đo lường khả năng phân tích và tổng hợp thông tin trừu tượng bằng hình ảnh. Tiểu trắc nghiệm này yêu cầu trẻ hình vào mô hình và hình ảnh sau đó sử dụng khối lục giác Trắng và Đỏ tạo lại mô hình trong giới hạn thời gian.
 - *Nhận diện khái niệm (Pcn)*: Đo lường khả năng trừu tượng và phân loại hợp lý. Trẻ sẽ xem 2-3 hàng tranh khác nhau sau đó sẽ phải chọn lựa những tranh có mối liên quan và đặc điểm chung với nhau.
 - *Tư duy ma trận (MR)*: Đo lường trí tuệ lỏng và đánh giá một cách hợp lý trs tuệ phi ngôn ngữ nói chung. Tiểu trắc nghiệm yêu cầu trẻ sẽ lựa chọn 1 hình ảnh phù hợp logic để hoàn thành ma trận.
- **Các tiểu trắc nghiệm thuộc lĩnh vực Trí nhớ công việc (WMI)**: Năng lực ghi nhớ ngắn hạn các ký tự ngẫu nhiên, năng lực về số học và mã hóa, năng lực xử lý thông tin thính giác, năng lực kiểm soát xung động được phản ánh qua hệ số.
 - *Nhớ dãy số (DS)*: Đo lường khả năng ghi nhớ âm thanh, sắp xếp thứ tự, chú ý và tập trung. Bao gồm 2 tiểu test: nhớ dãy số xuôi và nhớ dãy số ngược.
 - *Nhớ chuỗi số - chữ cái theo thứ tự (LN)*: Đo lường khoảng liên tục, tập trung, trí nhớ âm thanh ngắn hạn, khả năng hình dung mặt không gian và tốc độ xử lý. Ví dụ “9 – 4 – 5 -6 – A – H – J- G”
- **Các tiểu trắc nghiệm thuộc lĩnh vực tốc độ xử lý (PSI)**: Phản ánh năng lực phân biệt các hình ảnh thị giác, tốc độ vận hành của tâm trí để xử lý thông tin, tốc độ kết hợp Thị giác - Vận động, trí nhớ hình ảnh ngắn hạn, độ linh hoạt của nhận thức và năng lực tự kiểm soát

- *Mã hóa (CD)*: Đo lường trí nhớ ngắn hạn, khả năng học, tri giác không gian, định hướng vận động, khả năng mềm dẻo của nhận thức. Trẻ phải sắp xếp lại các biểu tượng tương ứng với các hình đơn giản và số.
- *Tìm biểu tượng (SS)*: Đo lường tốc độ xử lý, trí nhớ hình ảnh ngắn hạn, định hướng hình ảnh vận động, sự mềm dẻo của nhận thức, phân biệt hình ảnh, và tập trung. Trẻ sẽ quan sát nhóm ký tự và tìm ký tự tương đồng trong khoảng thời gian nhất định.

3.2.2. Trắc nghiệm đánh giá cảm xúc hành vi của ASEBA dành cho lứa tuổi học đường (Achenbach System of Empirically Based Assessment)

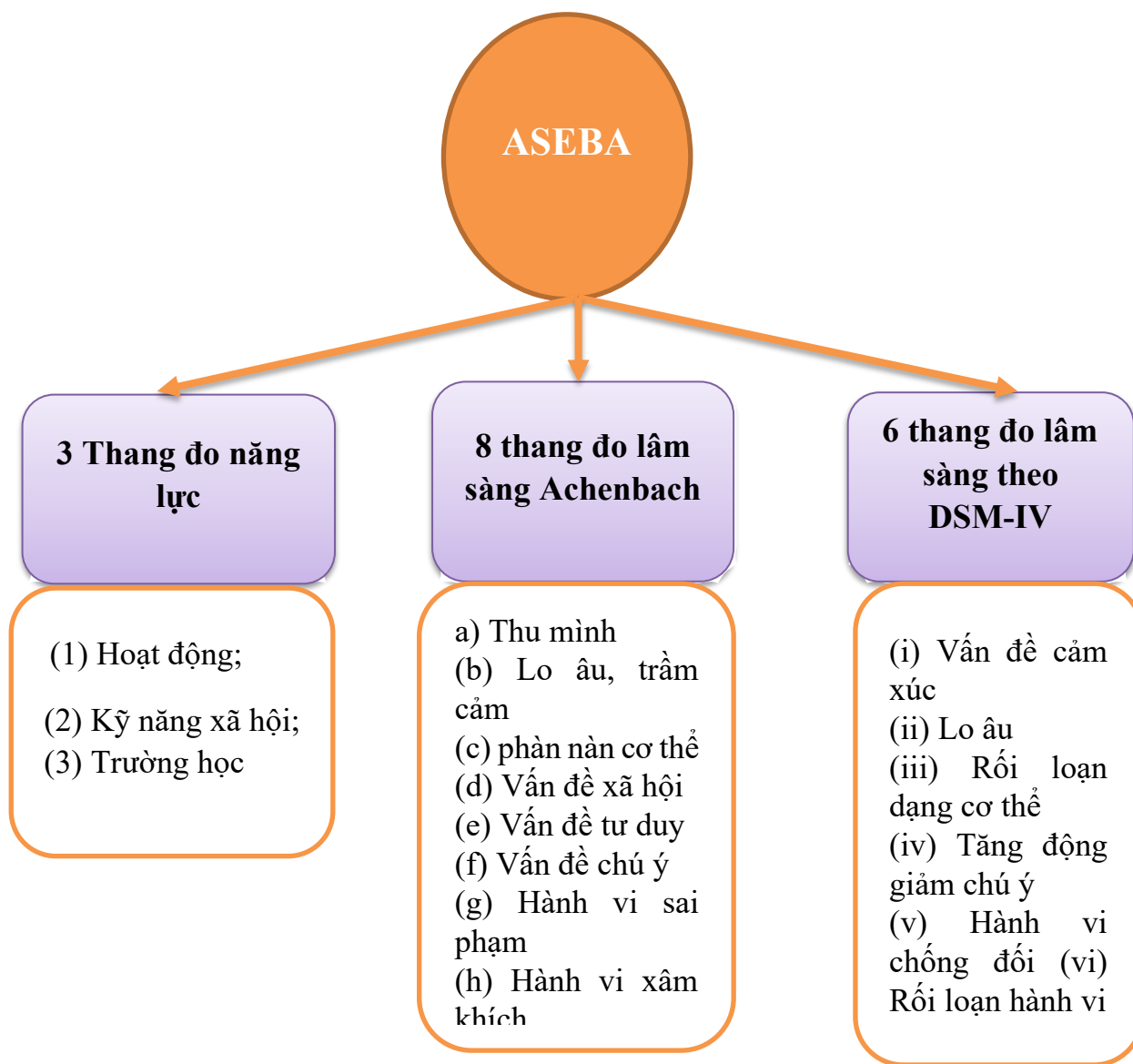
ASEBA được phác thảo liên quan đến nghiên cứu phát triển của bệnh lý tâm thần trong ấn bản đầu tiên và thứ hai của cuốn sách Tâm lý học phát triển (Achenbach, 1974, 1982).

Dựa trên khuôn khổ được trình bày trong Tâm thần học Phát triển, Hướng dẫn CBCL đầu tiên được xuất bản vào năm 1983 với sự cộng tác của Tiến sĩ Craig Edelbrock, người lúc đó là Phó Giáo sư Tâm thần học tại Trường Y Đại học Massachusetts. Tiếp theo là Sổ tay hướng dẫn CBCL là Hướng dẫn sử dụng Mẫu Báo cáo của Giáo viên (TRF; Achenbach & Edelbrock, 1986) và Bản tự báo cáo của Thanh niên (YSR; Achenbach & Edelbrock, 1987). Sách hướng dẫn đầu tiên cho phiên bản mầm non của CBCL được xuất bản bởi Achenbach vào năm 1992.

Ở Việt Nam, thang đo này đã được các cán bộ của trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội thích nghi để sử dụng trên đối tượng trẻ Việt Nam. Bảng hỏi gồm 112 các biểu hiện hành vi cảm xúc thường gặp ở trẻ được cha mẹ trẻ khai báo. Các câu hỏi được tính toán chia làm 3 thang đo năng lực: (1) Hoạt động; (2) Kỹ năng xã hội; (3) Trường học; 8 thang đo lâm sàng theo quan điểm Achenbach (a) Thu mình; (b) Lo âu, trầm cảm; (c) phản nản cơ thể; (d) Vấn đề xã hội; (e) Vấn đề tư duy; (f) Vấn đề chú ý; (g) Hành vi sai phạm và (h) Hành vi xâm phạm; 6 thang đo lâm sàng theo định hướng DSM-IV là (i) Vấn đề cảm xúc; (ii) Lo âu; (iii) Rối loạn dạng cơ thể; (iv) Tăng động giảm chú ý; (v) Hành vi chống đối; (vi) Rối loạn hành vi.

Điểm thang lâm sàng cũng được tính theo hệ số điểm T với điểm trung bình chung trong dân số là 50 và độ lệch chuẩn là 10. Tuy nhiên, ngược với thang năng lực những thang đo hành vi cảm xúc có điểm chuẩn T từ 50 – 59 được xem như là trong giới hạn bình thường. Những thang đo hành vi cảm xúc có điểm chuẩn T từ 60 – 69 được xem như là trong mức ranh giới (hay còn gọi là mức nguy cơ). Những thang đo hành vi cảm xúc có điểm chuẩn T từ 70 điểm trở lên được xem có vấn đề (hay còn gọi là mức rối loạn).

Sơ đồ mô tả các chỉ số thành phần của thang ASEBA



3.3. Những nguyên tắc thực hiện trắc nghiệm cơ bản

- Việc thực hiện trắc nghiệm/ thang và diễn giải kết quả chỉ được thực hiện bởi các nhà tâm lý được đào tạo ít nhất ở trình độ cử nhân ngành Tâm lý học, đồng thời phải được đào tạo đủ năng lực (hoàn thành chương trình đào tạo và giám sát để thực hiện trắc nghiệm WISC-4 là 101 giờ), và được cấp phép/ chứng nhận đủ năng lực bởi đối tác của Peason (Hoa Kỳ).

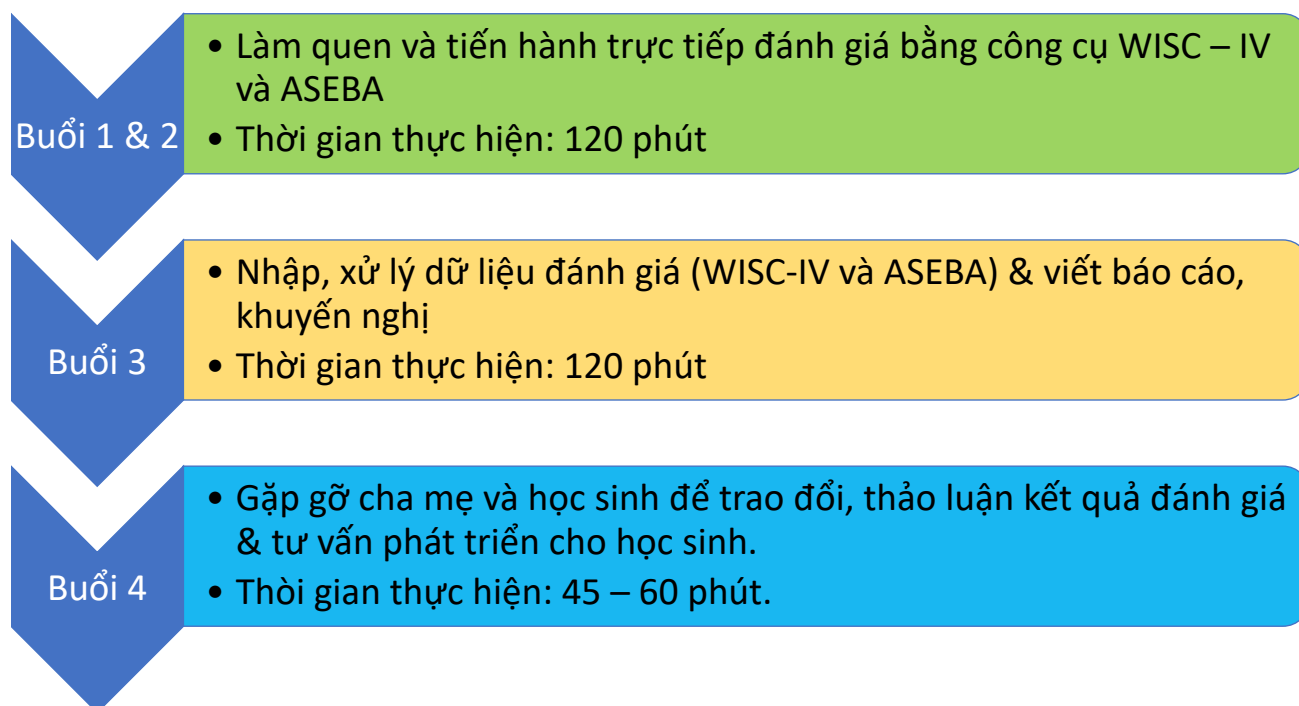
- Việc thực hiện trắc nghiệm với trẻ phải trong không gian yên tĩnh, bảo mật, tránh việc các trẻ ảnh hưởng qua lại dẫn tới nhiễu thông tin. Trẻ chỉ được thực hiện trắc nghiệm/ thang đo 1 lần trong vòng 1 năm và không tiến hành lại khi chưa đủ 1 năm sau khi đánh giá.

- Việc đánh giá và diễn giải, kết quả phải được bảo mật thông tin, không được phép chia sẻ với bất cứ ai hoặc các kênh thông tin đại chúng.

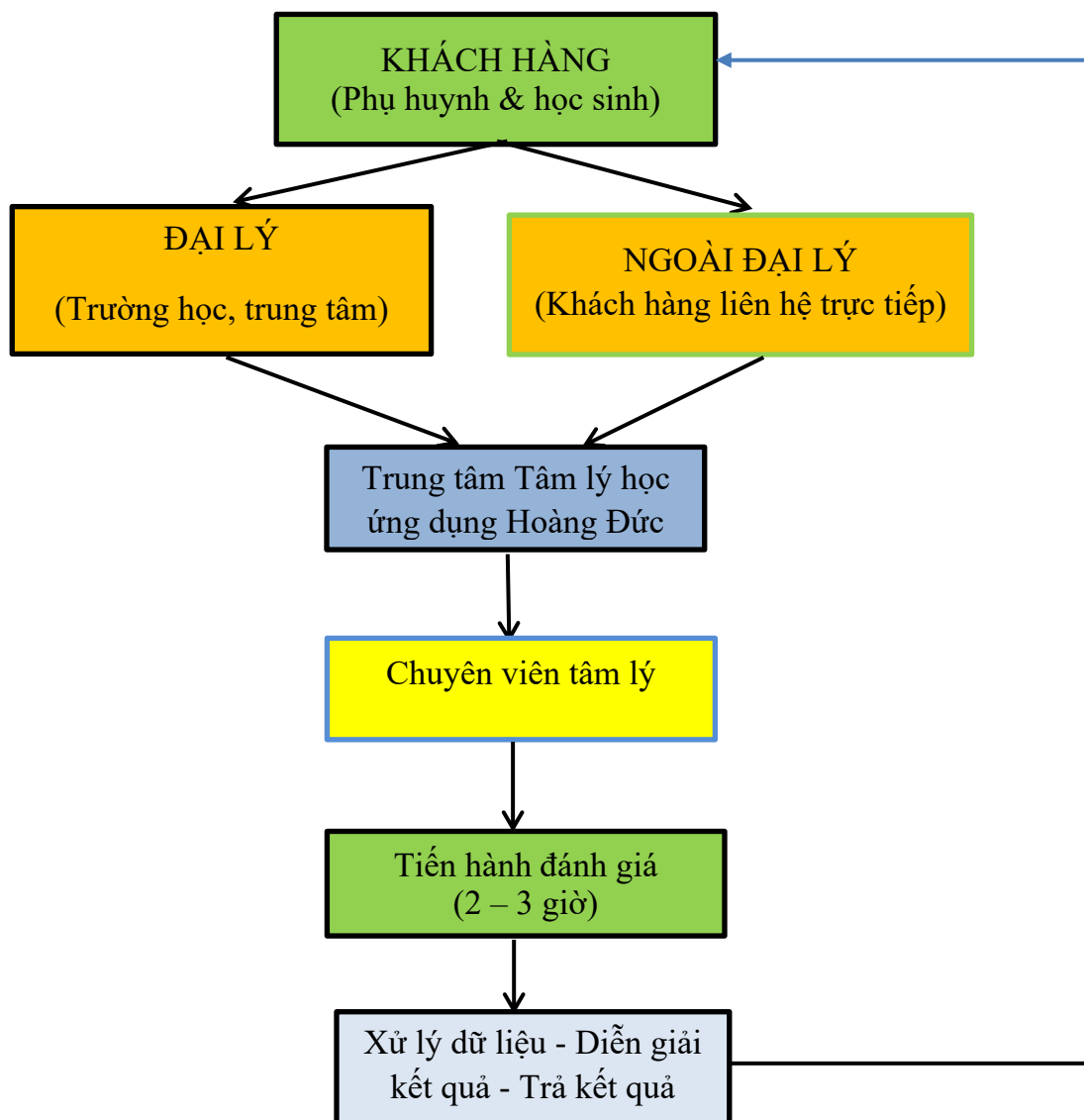
- Trong quá trình đánh giá và trao đổi kết quả cần thiết phải có sự tham gia của cha mẹ.

4. Quy trình thực hiện đánh giá

4.1 Quy trình thực hiện đánh giá



4.2 Quy trình hợp tác tiếp nhận hồ sơ.



6. Nhân sự triển khai dự án

6.1. PGS. TS Trần Thành Nam (Chuyên gia Tâm lý học lâm sàng)

- Phó giáo sư ngành Tâm lý học
- Tiến sĩ chuyên ngành Tâm lý học lâm sàng trẻ em và thanh thiếu niên (Đại học Vanderbilt, Hoa Kỳ).
- Phó giám đốc Trung tâm Khảo thí và kiểm định chất lượng, Đại học Quốc gia Hà Nội (2010 – 2015)

- Trưởng khoa Các khoa học giáo dục, Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội (2015 – nay).

- Là chuyên gia giảng dạy và thực hành đánh giá, trị liệu tâm lý tại: Bệnh viện Nhi Trung ương; Bệnh viện Quân Y 103, Học viện Quân Y; Trung tâm Behavioral Health Intellectual Disability Clinic tại trường Vanderbilt University (2010 – 2011); Hiệp hội Các nhà Tâm thần học Nashville - Associated Psychiatrists of Nashville (2010 – 2011); Trung tâm thực hành tâm lý tư nhân Joseph McLaughlin (2011-2012); Bệnh viện Tâm thần Đà Nẵng và Bệnh viện Tâm thần Trung Ương I, Thường Tín, Hà Nội.

- Là chuyên gia tâm lý cho kênh truyền hình VTV, VTC và các tờ báo lớn như Thanh Niên, Phụ nữ, Khoa học và Đời sống, Gia đình và Xã hội.

- Là giám khảo khoa học của cuộc thi Siêu trí tuệ do Đài truyền hình Việt Nam (VTV) tổ chức.

- Thành viên Hội Khoa học Tâm lý – Giáo dục Việt Nam, Hội Tâm lý học Việt Nam, Hội Tâm lý trị liệu Việt Nam

6.2. TS. Lê Minh Công

- Tiến sĩ chuyên ngành Tâm lý học lâm sàng (Học viện Khoa học xã hội Việt Nam).

- Phó trưởng khoa/ Phụ trách Khoa Tâm lý lâm sàng, Bệnh viện Tâm thần trung ương 2, Bộ Y tế (2003 - 2012)

- Giảng viên/ Phó trưởng Khoa Tâm lý học, Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, Đại học Quốc gia TP HCM (2012 - Nay).

- Trưởng Modul Tâm lý học y học và Đạo đức Y khoa, Khoa Y – Đại học Quốc gia TP HCM (2014 - nay).

- Kinh nghiệm thực hành đánh giá & tham vấn/ trị liệu tâm lý 18 năm.

- Là diễn giả cho nhiều chương trình đào tạo tâm lý ứng dụng, chuyên gia tâm lý cho HTV, ĐNRV, Báo Thanh Niên, Tuổi trẻ, Đồng Nai....

- Phó tổng thư ký Hội Khoa học Tâm lý – Giáo dục Việt Nam (2016 - nay); Phó chủ tịch/ Tổng thư ký Hội khoa học Tâm lý – Giáo dục Đồng Nai (2006 – Nay); UVBCH Hội Tâm lý trị liệu Việt Nam (2019 – Nay), Thành viên Hội Tâm lý học Việt Nam.

6.3. Th.S Nguyễn Công Bình

- Học chương trình Thạc sĩ ngành Tâm lý học lâm sàng (Học viện Quản lý giáo dục, Bộ giáo dục và Đào tạo).

- Phó giám đốc Trung tâm Tâm lý học ứng dụng Hoàng Đức

- Trưởng phòng Đánh giá và phát triển chương trình, Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hoà nhập trẻ tự kỷ Hoàng Đức (2015 – 2019).

- Các chứng chỉ chuyên sâu:

Lượng giá và can thiệp các rối loạn trong bối cảnh học đường (Đại học KHXH&V, ĐHQG - HCM và Đại học Louvain, Bỉ từ 2017 - 2019).

Đánh giá và diễn giải thang WISC-IV-VN (Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2017).

Nhiều chương trình đào tạo chuyên sâu đánh giá tâm lý khác.

- Là diễn giả của nhiều chương trình huấn luyện.

6.4. Th.S Trịnh Phúc

- Học chương trình Thạc sĩ ngành Tâm lý học lâm sàng (Học viện Quản lý giáo dục, Bộ giáo dục và Đào tạo).

- Trưởng phòng Đánh giá và Tham vấn tâm lý, Trung tâm Tâm lý học ứng dụng Hoàng Đức (2015 – 2019).

- Các chứng chỉ chuyên sâu:

Lượng giá và can thiệp các rối loạn trong bối cảnh học đường (Đại học KHXH&V, ĐHQG - HCM và Đại học Louvain, Bỉ từ 2018 - 2021).

Đánh giá và diễn giải thang WISC-IV-VN (Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2017).

Nhiều chương trình đào tạo chuyên sâu đánh giá tâm lý khác.

6.5. Trần Thị Hải

- Cử nhân chuyên ngành Tâm lý học giáo dục tại Trường Đại học sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh (2013)

- Chứng chỉ đánh giá và diễn giải thang WISC-IV-VN (Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2017).

- Chứng chỉ Âm ngữ trị liệu tại Trường Y Phạm Ngọc Thạch, TpHCM

6.6. Và nhiều chuyên viên tâm lý khác tốt nghiệp ngành Tâm lý học từ nhiều trường Đại học trong nước, được đào tạo và cấp chứng nhận năng lực đánh giá và diễn giải các thang đo trong chương trình Đánh giá trí tuệ (IQ) – Phát triển tài năng do Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia HN tổ chức.

7. Phương án thu và chiết khấu dành cho đại lý (trường học, trung tâm).

**Đối tác
(cá nhân/ tổ chức)**

- Truyền thông, Chiêu sinh & Thu phí
- Tiếp nhận hồ sơ đăng ký/ chuyển hồ sơ cho Trung tâm Tâm lý học ứng dụng Hoàng Đức.
- Bố trí địa điểm đánh giá và thông báo cho phụ huynh.
- Được nhận 30% trên tổng số kinh phí thu được.

**Trung tâm Tâm lý
học ứng dụng
Hoàng Đức**

- Phối hợp với đối tác triển khai các phương án truyền thông & chiêu sinh.
- Thực hiện việc thu phí và trích chiết khấu cho đối tác/ đại lý (trường học/ trung tâm).
- Cử nhà chuyên môn đủ năng lực thực hiện đánh giá, diễn giải kết quả và thảo luận, báo cáo cho khách hàng/ phụ huynh.
- Chịu trách nhiệm về bản quyền đánh giá.
- Lưu trữ kết quả

Mức phí

- 2.000.000 đồng (bao gồm toàn bộ các chi phí)